

1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							
2.	Đại học							
2.1	Chính quy		375	44		3283		
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên							
2.1.1.1	Thiết kế thời trang (7210404)		375					
2.1.1.2	Marketing (7340115)			44				
2.1.1.3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (7510201)					63		
2.1.1.4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (7510301)					39		
2.1.1.5	Quản lý công nghiệp (7510601)					270		
2.1.1.6	Công nghệ sợi, dệt (7540202)					32		
2.1.1.7	Công nghệ may (7540209)					2879		
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên							
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH							
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy							

2.3.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (7510301)					2		
2.3.2	Công nghệ may (7540209)					28		
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							
3.	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy							
3.3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
II	Vừa làm vừa học							
1	Đại học							
1.1	Vừa làm vừa học							
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học							
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học							

1.4	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							
2.	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non							
2.1	Vừa làm vừa học							
2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học							
2.3	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
III	Đào tạo từ xa							

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			Ghi chú
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	
1	Năm tuyển sinh 2020	x	x	x	
2	Năm tuyển sinh 2019	x	x	x	

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Thiết kế thời trang	7210404	70	53		60	45	
Ngữ văn, Bó cục, Hình họa	H00		0	14		0	15
Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	V01		6	16		0	15
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		46	14		45	15
Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật	V00		1	14		0	15
Khối ngành III							
Marketing	7340115	42	11		18	4	
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		1	14		0	15
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		7	14		3	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00		3	14		1	15

Toán, Hóa học, Sinh học	B00					0	15
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		0	14			
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Công nghệ sợi, dệt	7540202	21	3		12	5	
Toán, Hóa học, Sinh học	B00					0	15
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		0	14		0	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00		0	14		0	15
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		0	14			
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		3	14		5	15
Công nghệ may	7540209	518	352		456	242	
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		242	16		180	16
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		3	16			

Toán, Vật lí, Hóa học	A00		92	16		53	16
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		15	16		3	16
Toán, Hóa học, Sinh học	B00					6	16
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	21	9		12	5	
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		8	14		3	15
Toán, Hóa học, Sinh học	B00					1	15
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		0	14			
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		0	14		0	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00		1	14		1	15
Quản lý công nghiệp	7510601	56	30		48	37	
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		0	14			
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		22	14		23	15
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		1	14		1	15

Toán, Hóa học, Sinh học	B00					2	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00		7	14		11	15
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	21	8		12	4	
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07		0	14			
Toán, Hóa học, Sinh học	B00					0	15
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01		2	14		0	15
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		5	14		3	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00		1	14		1	15
Khối ngành VI							
Khối ngành VII							

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 59375.76 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 116 phòng có sức chứa 928 sinh viên
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 7.67 m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	318	27909
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2056
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	775
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	77	5540
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	151	13023
6	Số phòng học đa phương tiện	54	4595
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	24	1920
8	Thư viện, trung tâm học liệu	7	775
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	157	18735

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
----	-----	-------------------------------	---

1	Phòng thực hành may	Máy may 1 kim, 2 kim các loại; máy thùa, đính cúc, bàn là, máy trần đê, máy đánh chỉ, máy cuốn ống, máy tra tay các loại...	Công nghệ may, Thiết kế thời trang
2	Phòng thí nghiệm vật liệu dệt	Cân điện tử; máy kiểm tra độ bền các loại; máy kiểm tra độ săn; thiết bị sấy; máy phân tích tạp chất; máy kiểm tra điểm lỗi sợi; máy đo chiều dài cúi; máy đo chỉ số sợi đơn; thước đo chiều dày vải; máy cắt mẫu vải; máy kiểm tra độ mài mòn và vón xoắn trên bề mặt vải; kính lúp đo mật độ vải; kính hiển vi...	Công nghệ sợi, dệt
3	Phòng nghiên cứu PLC	Bộ thiết bị PLC S7-300-CPU314C; panel các loại; mô hình lò sấy; mô hình cầu thang máy; mô hình đèn quản cáo, mô hình phân loại sản phẩm; bàn thí nghiệm; đồng hồ vạn năng; modul nguồn PLC; cảm biến quang, từ...	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
4	Phòng thực hành điện	Modul đo lường điện; đồng hồ đo điện các loại; công tơ các loại; máy hiện sóng; máy phát sóng; phong tốc kế; động cơ điện các loại; bảng điều khiển các loại; các bảng mạch các loại; máy khò linh kiện; mỏ hàn, kìm điện và tô vít các loại; kính lúp...	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
5	Phòng thực hành cơ khí	Máy khoan bàn; vạm vòng bi; bộ choòng; pan me; dao tông; cưa sắt; búa sắt; tuốc nơ vít các	Công nghệ kỹ thuật cơ khí

		loại; máy cuốn dây; mỏ hàn, máy tiện tự động, máy phay tự động, Robot hàn....	
6	Phòng thí nghiệm hóa	Dụng cụ thủy tinh; ống nghiệm, cốc thủy tinh các loại; phễu lọc các loại; bình cầu, chậu thí nghiệm các loại; đèn cồn; Buret 25ml; hộp mẫu các loại; dụng cụ đo các loại; pipet 5ml; công tơ hút; dụng cụ bằng sứ các loại; dụng cụ bằng nhựa các loại; dụng cụ bằng cao su các loại; giá đỡ các loại; trang phục thí nghiệm các loại; máy li tâm; máy chung cất; máy đo các loại; các loại cân; máy khuấy từ gia nhiệt; các loại nhiệt kế; bơm các loại; tỉ trọng kế; hộp giấy lọc...	Các ngành đào tạo
7	Phòng thí nghiệm vật lí	Giá treo các loại; máng nghiêng; đồng hồ đo các loại; bộ đệm không khí; dụng cụ thí nghiệm lực hướng tâm; nhiệt kế; lực ống kế; mô hình sóng dọc, ngang; con lắc các loại; quang phổ kế; máy phát điện uynsot; mô hình tụ điện, dụng cụ tĩnh điện; bộ nguồn chỉnh lưu; điện kế, vôn kế, ampe kế, oat kế; biến trở; rơ le kế; cầu dây điện trở...	Các ngành đào tạo
8	Phòng trưng bày mẫu	Manocanh toàn thân nam, nữ, trẻ em; tủ kính trưng bày; giá treo; áp phích lớn; bục kê biểu diễn...	Thiết kế thời trang

9	Phòng thực hành tin học	Máy tính; máy chiếu...	Các ngành đào tạo
10	Phòng thí nghiệm Sợi	Máy Uster	Công nghệ sợi, dệt
11	Xưởng thực hành Sợi	Máy trái; Máy ghép; Máy sợi thô; Máy sợi con	Công nghệ sợi, dệt

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	851
3	Khối ngành III	3604
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	17725
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 01 kèm theo

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 02 kèm theo

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học.

- Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Thi tuyển; Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

1.3.1. Xét tuyển

a. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo

b. Hình thức tuyển sinh

- Phương thức 1: sử dụng kết quả thi TN THPT, dựa vào kết quả thi TN THPT năm 2021.

Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các bài thi/môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DM3 + UT

Trong đó:

DM1: Điểm thi TN THPT bài thi/môn thi thứ nhất

DM2: Điểm thi TN THPT bài thi/môn thi thứ hai

DM3: Điểm thi TN THPT bài thi/môn thi thứ ba

UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh.

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập theo học bạ THPT, dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 trong học bạ của các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển.

+ Với phương án đăng ký xét tuyển dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12. Điểm xét tuyển được tính là tổng điểm bình quân các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DM3 + UT

Trong đó:

DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ hai

DM3 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Với phương án đăng ký xét tuyển dựa vào điểm tổng kết lớp 12, điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DM3 + UT

Trong đó:

DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai

DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức khác: Xét tuyển thẳng theo phương án riêng

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo đại trà trình độ đại học hệ chính quy. Đối tượng tuyển thẳng: Thí sinh đạt một trong những điều kiện sau:

+ Có kết quả học tập năm lớp 11 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có kết quả học tập học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có kết quả học tập năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có chứng chỉ TOEIC hoặc TOEFL quốc tế đạt 450 trở lên; hoặc IELTS quốc tế từ 4.5 trở lên và tương đương.

1.3.2. Xét tuyển kết hợp với thi tuyển năng khiếu

a. Phạm vi áp dụng: Ngành Thiết kế thời trang

b. Hình thức tuyển sinh

Dựa vào kết quả thi TN THPT năm 2021 hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 trong học bạ của các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm thi năng khiếu được tổ chức tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng kết quả thi TN THPT hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 trong học bạ của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Toán, Vật lý, Tiếng Anh và Ngữ văn.

+ Đối với các môn năng khiếu: Trường tổ chức thi năng khiếu đối với thí sinh đăng ký bằng các tổ hợp có môn thi năng khiếu để xét tuyển. Các môn năng khiếu sử dụng để xét tuyển gồm: Vẽ mỹ thuật, Bồi cục.

Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng với điểm thi TN THPT năm 2021 hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 của môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển và cộng điểm ưu tiên theo quy

định. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

- Tổ hợp V00 và V01:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DNK + UT

Trong đó:

DM1 là điểm thi TN THPT hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12/điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Toán

DM2 là điểm thi TN THPT hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12/điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn (V01) hoặc môn Vật lý (V00).

DNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ hợp H00:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DNK1 + DNK2 + UT

Trong đó:

DM1 là điểm thi TN THPT hoặc điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12/điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn.

DNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

DNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bó cục tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Thiết kế thời trang	7210404	384/QĐ-BGDĐT	04/02/2017		2017
2	Công nghệ sợi, dệt	7540202	1136/QĐ-BGDĐT	02/04/2016		2016
3	Kế toán	7340301	481/QĐ-BGDĐT	21/01/2021		2021
4	Quản lý công nghiệp	7510601	1136/QĐ-BGDĐT	02/04/2016		2016
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	384/QĐ-BGDĐT	04/02/2017		2017
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	4458/QĐ-BGDĐT	15/10/2017		2018
7	Công nghệ may	7540209	1136/QĐ-BGDĐT	02/04/2016		2016
8	Marketing	7340115	4458/QĐ-BGDĐT	15/10/2017		2018

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ

đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Công nghệ sợi, dệt	7540202	10	10	A00		A01		B00		D01	
1.2	Kế toán	7340301	30	30	A00		A01		B00		D01	
1.3	Marketing	7340115	15	15	A00		A01		B00		D01	
1.4	Thiết kế thời trang	7210404	60	60	D01		H00		V00		V01	
1.5	Công	7510301	10	10	A00		A01		B00		D01	

	nghệ kỹ thuật điện, điện tử											
1.6	Công nghệ may	7540209	360	360	A00		A01		B00		D01	
1.7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	10	10	A00		A01		B00		D01	
1.8	Quản lý công nghiệp	7510601	60	60	A00		A01		B00		D01	

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi TN THPT năm 2021.

+ Điểm nhận đăng ký xét tuyển: theo ngưỡng đảm bảo chất lượng.

- Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập theo học bạ

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp đăng ký tính cả điểm ưu tiên đạt 18 điểm trở lên.

+ Điểm nhận đăng ký xét tuyển: theo ngưỡng đảm bảo chất lượng.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

a) Thông tin chung về Trường

- Tên trường: trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

- Mã trường: CCM

- Website: hict.edu.vn

- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn; <http://www.facebook.com/tshict>

- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488

b) Số nguyện vọng và số tổ hợp thí sinh được đăng ký xét tuyển

- Phương thức sử dụng kết quả thi TN THPT năm 2021: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức sử dụng điểm học bạ THPT

Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 3 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng có mức ưu tiên cao nhất).

Trường hợp thí sinh đăng ký xét tuyển nhiều ngành (trừ ngành Thiết kế thời trang) chỉ được đăng ký duy nhất 01 tổ hợp để xét tuyển (nên chọn tổ hợp có điểm cao nhất). Riêng ngành Thiết kế thời trang, thí sinh được lựa chọn tối đa 02 tổ hợp đăng ký xét tuyển, trong đó có tổ hợp D01, tổ hợp còn lại thí sinh nên chọn tổ hợp có điểm cao nhất để xét tuyển.

- Đăng ký xét tuyển thẳng theo phương án khác: Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển thẳng 01 ngành của Trường.

c) Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ May (Đào tạo các chuyên ngành: Thiết kế mẫu công nghiệp; Thiết kế công nghệ; Quản lý chất lượng; Quản lý sản xuất)	7540209	A00; A01; B00; D01
2	Công nghệ Sợi, Dệt (Đào tạo các chuyên ngành: Công nghệ Sợi; Công nghệ Dệt thoi; Công nghệ dệt kim)	7540202	A00; A01; B00; D01
3	Quản lý công nghiệp (Đào tạo các chuyên ngành: Quản lý công nghiệp dệt may; Quản lý đơn hàng dệt may)	7510601	A00; A01; B00; D01
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Đào tạo các chuyên ngành: Quản lý và bảo	7510201	A00; A01; B00; D01

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
	trì thiết bị may; Công nghệ kỹ thuật cơ khí)		
5	Marketing (Đào tạo chuyên ngành Marketing thời trang)	7340115	A00; A01; B00; D01
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Đào tạo các chuyên ngành: Cơ điện tử trong thiết bị dệt, may; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	7510301	A00; A01; B00; D01
7	Kế toán (Đào tạo các chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán hành chính sự nghiệp; Kiểm toán)	7340301	A00; A01; B00; D01
8	Thiết kế thời trang (Đào tạo các chuyên ngành: Thiết kế hình ảnh; Thiết kế kỹ thuật)	7210404	D01; V00, V01, H00

d) Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học
5	V00	Toán	Vật lý	Vẽ mỹ thuật
6	V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ mỹ thuật
7	H00	Ngữ văn	Vẽ mỹ thuật	Bố cục

e) Thực hiện xét tuyển

- Nhà trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Nguyên tắc xét tuyển: Theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu. Trong các đợt xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi/kết quả điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển trong học bạ THPT, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.
- Giữa các tổ hợp không có sự chênh lệch về điểm xét tuyển, không sử dụng tiêu chí phụ trong quá trình xét tuyển.
- Xét tuyển thẳng theo phương án khác: Nhà trường xét tuyển thẳng theo phương án riêng đối với những đối tượng xét tuyển thẳng quy định tại phần phương án khác điểm b mục 2.3.1.

+ Nếu số lượng thí sinh xét tuyển thẳng theo phương án riêng ít hơn chỉ tiêu của phương thức khác thì xét tuyển học bạ THPT cho số chỉ tiêu còn lại.

+ Nếu số lượng thí sinh xét tuyển thẳng theo phương án riêng nhiều hơn chỉ tiêu của phương thức khác thì xét theo thứ tự ưu tiên sau:

* Ưu tiên 1: Thí sinh có chứng chỉ TOEIC hoặc TOEFL quốc tế đạt 450 trở lên; hoặc IELTS quốc tế từ 4.5 trở lên và tương đương.

* Ưu tiên 2: Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu đối với các thí sinh có kết quả học tập năm lớp 11 hoặc học kì 2 năm lớp 11 và học kì 1 năm lớp 12 hoặc năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên. Điểm xét tuyển bằng điểm tổng kết năm lớp 11 hoặc bình quân học kì 2 năm lớp 11 và học kì 1 năm lớp 12/điểm tổng kết năm lớp 12 + điểm ưu tiên.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

1.7.1. Thời hạn, hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển năng khiếu/xét tuyển thẳng theo phương án riêng

a) Thời hạn đăng ký

- Phương án xét tuyển bằng kết quả thi TN THPT năm 2021: thực hiện theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Phương án xét tuyển bằng kết quả học tập trong học bạ THPT và xét tuyển theo phương án riêng: Dự kiến thời gian tuyển sinh như sau:

Đợt nhận hồ sơ	Thời gian
1	Từ 01/3/2021 đến hết 31/3/2021

2	Từ 01/4/2021 đến hết 31/5/2021
3	Từ 01/6/2021 đến hết 30/6/2021
4	Từ 01/7/2021 đến hết 20/7/2021
5	Từ 21/7/2021 đến hết 31/7/2021
6	Từ 01/8/2021 đến hết 15/8/2021
7	Từ 16/8/2021 đến hết 31/8/2021
8	Từ 01/9/2021 đến hết 30/9/2021

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký và thi tuyển các môn năng khiếu

TT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Nhận hồ sơ thi môn năng khiếu	Trước ngày 30/6/2021	
2	Thi môn năng khiếu	09/7/2021	Địa điểm thi: Tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

Các thông báo cụ thể về lịch tổ chức thi môn Vẽ mỹ thuật, Bố cục, đề thi minh họa được thông tin cụ thể trên trang thông tin điện tử của Trường: hict.edu.vn trước ngày 01/7/2021.

Thông tin tuyển sinh của Trường được cập nhật liên tục trên các kênh thông tin:

1. Website: hict.edu.vn

2. Fanpage tuyển sinh: <http://www.facebook.com/tshict>

3. Điện thoại : 024.36922552 ; 0917966488

b) Hồ sơ đăng ký

- Sử dụng kết quả thi TN THPT năm 2021: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sử dụng kết quả học tập trong học bạ THPT, thi năng khiếu, xét tuyển thẳng, hồ sơ xét tuyển theo mẫu của Trường hoặc mẫu hồ sơ xin việc gồm:

+ Bản sao hợp lệ học bạ THPT;

+ Bản sao hợp lệ chứng nhận tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021 hoặc bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước ;

+ Bản sao Giấy khai sinh;

+ Đơn đăng ký (theo mẫu của Trường);

+ Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

+ 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong vòng 6 tháng (nếu đăng ký thi năng khiếu)

+ Riêng thí sinh xét tuyển thẳng theo chứng chỉ tiếng Anh phải nộp thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

1.7.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển/thi tuyển

Thí sinh nộp hồ sơ trong thời hạn quy định về phòng Tuyển sinh và Truyền thông của Trường theo hình thức:

- Chuyển phát nhanh hồ sơ qua bưu điện (tính từ ngày gửi theo dấu bưu điện) theo địa chỉ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
- Nộp trực tiếp tại phòng Tuyển sinh và Truyền thông (C1-108), trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.
- Đăng ký xét tuyển trực tuyến (online) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đăng ký tại website: hict.edu.vn.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

1.8.1. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường không tổ chức xét tuyển thẳng với các đối tượng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2021.

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng không dùng quyền xét tuyển thẳng

Các đối tượng xét tuyển thẳng được quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2021 không được hưởng ưu tiên khi xét tuyển vào Trường.

1.8.3. Điểm ưu tiên xét tuyển theo khu vực và đối tượng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8.4. Các nội dung khác

- Năm 2021, Trường dành suất học bổng trị giá 15 triệu đồng cho những thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEIC hoặc TOEFL đạt 450 trở lên hoặc IELTS từ 4,5 trở lên và tương đương.
- Các thủ khoa theo từng phương thức xét tuyển được Trường biểu dương, trao tặng 10.000.000 đ/1SV.

- Hỗ trợ từ 20-40% mức học phí cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
- Giảm 10% học phí kỳ 1 cho thí sinh đăng kí xét tuyển trước ngày 31/3/2021 và nhập học vào trường.
- Hằng năm Nhà trường dành 3 tỉ đồng để cấp học bổng cho sinh viên gồm có:
 - + Cấp 450 suất học bổng khuyến khích học tập, trị giá mỗi suất tương đương mức trần học phí hàng năm.
 - + Cấp học bổng hỗ trợ học tập theo đúng quy định của Nhà nước.
 - + Cấp học bổng doanh nghiệp khoảng 40 suất, mỗi suất trị giá 5.000.000 đồng.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Lệ phí xét tuyển từ kết quả thi TN THPT là 25.000đ/ nguyện vọng
- Lệ phí xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả học tập THPT và phương thức khác là 30.000đ.
- Lệ phí thi tuyển năng khiếu: 300.000 đ/1 thí sinh

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Nhà trường thực hiện cơ chế thu, quản lý học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021. Mức thu học phí bình quân tối đa của chương trình đại trà trình độ đại học chính quy như sau:

Đơn vị: triệu đồng/sinh viên/năm học

Nội dung	Giai đoạn 2019 - 2022
----------	-----------------------

	2019 - 2020	2020-2021	2021-2022
Mức thu học phí bình quân tối đa (của chương trình đại trà, trình độ đại học hệ CQ)	14,5	15.2	15,96

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.11.1 Các thông tin cần chú ý

- Địa chỉ website của Trường: hict.edu.vn

- Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quang Thắng	Phó trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông	0982200156	thangnq@hict.edu.vn
2	Trần Lê Huy	Chuyên viên phòng Tuyển sinh và Truyền thông	0977236957	huytl@hict.edu.vn
3	Phạm Xuân Hà	Chuyên viên phòng Tuyển sinh và Truyền thông	0986254977	hapx@hict.edu.vn

Các nội dung khác không quy định trong Đề án này thì thực hiện theo quy chế tuyển sinh chính quy trình độ Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.11.2 Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung theo phương thức thi TNTHPT

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Từ 01/10/2021 đến hết 31/10/2021

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Từ 01/11/2020 đến hết 31/11/2021

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV/HS trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
-------------------	----------------------------	--------------------------------------	-------------------------	--

	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0	0

1.13.2. Năm tuyển sinh 2020

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	500	0	501	0	408	0	87.5	0
Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0	0

1.14. *Tài chính*

- *Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường:* Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 79,300 tỷ
- *Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:* Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 16.320.000/1 năm.

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VLVH)

2.1. *Đối tượng tuyển sinh*

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;
- Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định;
- Đối tượng đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh*

Cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển;

- Xét tuyển bằng điểm dựa vào điểm tổng kết năm lớp 12 trong học bạ THPT của các môn theo tổ hợp xét tuyển tương ứng như xét tuyển đại học chính quy.

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định.

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DM3 + UT

Trong đó:

DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai

DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tuyển thẳng thí sinh đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Công nghệ	7540209	30	450A/QĐ-	08/05/2020	ĐHCNDMHN	2020

	may			ĐHCNDMHN			
--	-----	--	--	----------	--	--	--

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

a) Các thông tin chung

- Tên trường: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn; <http://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488

b) *Số nguyện vọng và số tổ hợp thí sinh được đăng ký xét tuyển*

Xét tuyển bằng kết quả trong học bạ THPT: Thí sinh chỉ được chọn 1 tổ hợp duy nhất để đăng kí xét tuyển.

c) *Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:*

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ May (vừa làm vừa học)	7540209	A00; A01; B00; D01

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học

d) Thực hiện xét tuyển

- Nhà trường tổ chức xét tuyển theo nhiều đợt cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Nguyên tắc xét tuyển: Theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.
- Giữa các tổ hợp không có sự chênh lệch về điểm xét tuyển, không sử dụng tiêu chí phụ trong quá trình xét tuyển.
- Xét tuyển thẳng theo phương án riêng: Nhà trường xét tuyển thẳng những thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành khác tại các trường đại học trên lãnh thổ Việt Nam.
- + Nếu số lượng thí sinh xét tuyển thẳng ít hơn chỉ tiêu thì xét tuyển học bạ THPT cho số chỉ tiêu còn lại.
- + Nếu số lượng thí sinh xét tuyển thẳng nhiều hơn chỉ tiêu thì xét điểm từ cao xuống thấp đối với thí sinh tốt nghiệp đại học, nếu còn chỉ tiêu xét tiếp thí sinh tốt nghiệp cao đẳng.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Đợt nhận hồ sơ	Thời gian
1	Từ 15/4/2021 đến hết 20/7/2021
2	Từ 21/7/2021 đến hết 30/9/2021
3	Từ 01/10/2021 đến hết 31/12/2021

Trong quá trình xét tuyển, trường sẽ dừng tuyển sinh khi đủ chỉ tiêu.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

+ Bản sao hợp lệ học bạ THPT;

+ Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Bản sao Giấy khai sinh;

+ Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);

+ Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

+ Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học, cao đẳng (nếu đăng ký xét tuyển thẳng).

- Địa chỉ gửi hồ sơ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Lệ Chi – Gia Lâm – Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024.36922552 – 0917966488.

2.8. Chính sách ưu tiên:

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành khác được xét tuyển thẳng vào học trình độ đại học vừa làm vừa học.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

30.000đ/ 1 hồ sơ.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

được tính như đối tượng đại học chính quy.

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
-----	---------	----------

3. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	-----------	----------	------------------------------	-------------------------	-------------------	----------------------------	--	---------------------

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

4.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

4.2. Chỉ tiêu đào tạo

4.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.4. Các nội tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Đã tốt nghiệp Cao đẳng hoặc Cao đẳng nghề các ngành/ngành gần với các chương trình đào tạo đại học liên thông chính quy.

5.2. Phạm vi tuyển sinh

Cả nước

5.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển;

Xét tuyển bằng điểm dựa vào điểm tổng kết lớp 12 trong học bạ THPT của các môn theo tổ hợp xét tuyển tương ứng như xét tuyển đại học chính quy.

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định.

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = DM1 + DM2 + DM3 + UT

Trong đó:

DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai

DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Trình độ đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	20		451A/QĐ-ĐHCNDMHN	08/05/2020	ĐHCNDMHN	2020
2	Trình độ đại học	Công nghệ may	7540209	30		442/QĐ-ĐHCNDMHN	08/04/2019	ĐHCNDMHN	2019
3	Trình độ đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	20		451A/QĐ-ĐHCNDMHN	08/05/2020	ĐHCNDMHN	2020

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

a) Các thông tin chung

- Tên trường: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn; <http://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488

b) Số nguyện vọng và số tổ hợp thí sinh được đăng ký xét tuyển:

- Xét tuyển bằng kết quả trong học bạ THPT: Thí sinh chỉ được chọn 1 tổ hợp duy nhất để đăng kí xét tuyển.

c) Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển (chỉ dành cho xét tuyển bằng kết quả trong học bạ THPT)
1	Công nghệ May	7540209	A00; A01; B00; D01
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00; A01; B00; D01
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00; A01; B00; D01

d) Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3

1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học

e) *Thực hiện xét tuyển*

- Nhà trường tổ chức xét tuyển theo nhiều đợt cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Nguyên tắc xét tuyển: Theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.
- Giữa các tổ hợp không có sự chênh lệch về điểm xét tuyển, không sử dụng tiêu chí phụ trong quá trình xét tuyển.

5.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;*

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Đợt nhận hồ sơ	Thời gian
1	Từ 15/6/2021 đến hết 20/7/2021
2	Từ 21/7/2021 đến hết 30/9/2021
3	Từ 01/10/2021 đến hết 31/12/2021

Trong quá trình xét tuyển, trường sẽ dừng tuyển sinh khi đủ chỉ tiêu.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- + Bản sao hợp lệ học bạ THPT;
- + Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- + Bản sao Giấy khai sinh;
- + Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);
- + Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);
- + Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
- + Bằng tốt nghiệp và bảng điểm cao đẳng;
- Địa chỉ gửi hồ sơ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Lê Chi – Gia Lâm – Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 024.36922552 – 0917966488.

5.8. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*
30.000đ/ 1 hồ sơ.

5.9. *Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*
được tính như đối tượng đại học chính quy

5.10. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*

STT	Tiêu đề	Nội dung

5.11. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG

Ngày xác nhận:

Ngày báo cáo: